TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀI ĐỨC,** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **192**/2024/QĐST-HNGĐ	*Hoài Đức, ngày 16 tháng 5 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 173/2024/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Anh Lê Quang N, sinh năm 1980.

HKTT: thôn X, xã CQ, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Chị Hoàng Thị Ngọc P, sinh năm 1987.

HKTT: thôn X, xã CQ, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Quang N và chị Hoàng Thị Ngọc P.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

** Về con chung:* Giao 02 (hai) con chung là cháu Lê Hoàng Q, sinh ngày 18/5/2017 và cháu Lê Hoàng Ánh D, sinh ngày 13/3/2020 cho chị Hoàng Thị Ngọc P trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có quyết định khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lê Quang N và chị Hoàng Thị Ngọc P thỏa thuận anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi chung cho chị P là 5.000.000 đồng/tháng (Năm triệu đồng/01 tháng) (2.500.000 đồng/cháu/tháng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng/01 cháu/01tháng)) kể từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có quyết định khác.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền theo thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Anh Lê Quang N có quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

* *Về tài sản chung*: Anh Lê Quang N và chị Hoàng Thị Ngọc P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về công nợ chung*: Anh Lê Quang N và chị Hoàng Thị Ngọc P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về án phí:* Ghi nhận sự tự nguyện của anh Lê Quang N chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con chung sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh N đã nộp theo biên lai số 0005702 ngày 06/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức. Anh Lê Quang N đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND. Thành phố Hà Nội;
- VKSND.H.Hoài Đức;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Chi cục THADS H.Hoài Đức;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Cao Thu Hoài